ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 2261/QĐ-ĐHBK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy chứng nhận sinh viên đạt danh hiệu "Sinh viên Khá toàn diện" năm học 2020 – 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Qui chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia TP. HCM, ban hành kèm theo Quyết định số 767/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 12/9/2006 và Quyết định số 803/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 16/7/2009 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. HCM về việc phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Điều 15 Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa;

Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-ĐHBK-CTCT-SV ngày 20/4/2017 về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên trường;

Căn cứ danh sách đề cử và kết quả xét danh hiệu SV năm học 2020 – 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận cho **2.316 sinh viên** đạt danh hiệu **"Sinh viên Khá toàn diện"** năm học 2020 - 2021 *(danh sách đính kèm theo khoa):*

TT	Khoa	Số lượng
1	Trung tâm ĐT Bảo dưỡng Công nghiệp	10
2	Cơ khí	647
3	KT Địa chất – Dầu khí	14
4	Điện – Điện tử	136
5	Khoa học & Kỹ thuật Máy tính	343
6	Kỹ thuật Hóa học	305
7	Quản lý Công nghiệp	294
8	Kỹ thuật Xây dựng	160
9	Môi trường và Tài nguyên	70

10	Công nghệ Vật liệu	104
11	Khoa học Ứng dụng	115
12	Kỹ thuật Giao thông	118
Tổng cộng		**2.316**

Điều 2. Các Ông/Bà Trưởng phòng Công tác chính trị – SV, Trưởng các Khoa, Phòng, ban liên quan và sinh viên có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT, CTCT-SV

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Mai Thanh Phong

DANH SÁCH SV ĐẠT DANH HIỆU "SINH VIÊN KHÁ TOÀN DIỆN"
NĂM HỌC 2020-2021
(kèm theo Quyết định số 2201 /QĐ-ĐHBK ngày 21 tháng 6 năm 2023)

Khoa Cơ khí: 647 sinh viên

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
1	CC17CDT1	Nguyễn Tiến	Đạt	1752163
2	CC17CDT1	Đào Minh	Nguyên	1752382
3	CC17CDT1	Nguyễn Hồng	Phát	1752409
4	CC17CDT1	Phạm Hữu	Phước	1752435
5	CC17CDT2	Cao Hoàng	Ân	1752084
6	CC17CDT2	Trần Gia Quốc	Bảo	1710611
7	CC17CDT2	Lê Thanh	Hải	1752017
8	CC17CDT2	Lâm Hùng	Minh	1752343
9	CC17CDT2	Nguyễn Lê Minh	Nhật	1752398
10	CC17CDT2	Nguyễn Minh	Thiệu	1752052
11	CC17CDT2	Nguyễn Gia	Thịnh	1752513
12	CC17CDT2	Hồ Trọng Thành	Vinh	1752621
13	CC17CK11	Trần Minh	Hiếu	1752200
14	CC17CK11	Trần Hữu	Kiên	1652331
15	CC17CK11	Dương Nguyễn Hoàng	Long	1652349
16	CC17CK11	Phùng Vũ	Nguyên	1652434
17	CC17CK11	Phan Đình	Tú	1652676
18	CC17CK12	Trần Quốc	Anh	1752082
19	CC17CK12	Phạm Hoàng	Phúc	1752426
20	CC18CDT1	Nguyễn Văn Phúc	Hậu	1852023
21	CC18CDT2	Bùi Việt	Thắng	1852750
22	CC18CK11	Từ Gia	Lạc	1652337
23	CC18CK11	Đặng Quốc	Thắng	1852751
24	CC18CK11	Nguyễn Anh	Tú	1752601
25	CC18CK12	Lâm Hồng	Dũng	1852304
26	CC18CK12	Tô Văn	Trực	1852830
27	CC19CDT1	Trần Đức	Anh	1952179
28	CC19CDT1	Đinh Viết	Huân	1952055
29	CC19CDT1	Thái Thủy Kiến	Hưng	1952749
30	CC19CDT1	Trần Lê	Khang	1852450
31	CC19CDT1	Nguyễn Hoàng	Long	1852530
32	CC19CDT1	Đoàn Vũ	Sơn	1952432
33	CC19CDT1	Đặng Thanh	Việt	1852105
34	CC19CDT2	Trần Phúc	Lợi	1952828
35	CC19CDT2	Phan Vinh	Phong	1952389
36	CC19CDT2	Lý Hưng	Thịnh	1952468

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
37	CC19CDT2	Lê Quang	Tín	1952495
38	CC19CK11	Nguyễn Trọng	An	1952549
39	CC19CK11	Nguyễn Kiên Trung	Hiếu	1852367
40	CC19CK11	Nguyễn Khôi	Việt	1952530
41	CC19CK12	Nguyễn Văn Bình	Dương	1952640
42	CC19CK12	Nguyễn Phúc	Khánh	1952775
43	CC19CK12	Võ Thụy Thảo	Vy	1953113
44	CC20CK11	Phạm Tr Hoàng Quốc	Anh	2052847
45	CC20CK11	Đặng Thái	Bảo	2052869
46	CC20CK11	Dương Minh	Hoàng	2053008
47	CC20CK11	Phạm Quý	Hưng	1852430
48	CC20CK11	Trần Nguyễn Vĩnh	Khang	2052523
49	CC20CK11	Đặng Khôi	Nguyên	2010457
50	CC20CK11	Nguyễn Minh	Tân	1952971
51	CC20CK11	Nguyễn Huỳnh	Trọng	2053536
52	CC20CK11	Nguyễn Lâm	Trường	2052298
53	CC20CK11	Phạm Linh	Tuấn	1953075
54	CC20COD	Hoàng Đức	Huy	2053035
55	CC20COD1	Phạm Châu	Bình	2052884
56	CC20COD1	Lâm Bá	Duy	1912882
57	CC20COD1	Hoàng Quốc	Duy	2052053
58	CC20COD1	Hồ Lương Triều	Phú	2052651
59	CC20COD1	Đặng Ngọc	Trí	1953039
60	CC20COD1	Lê Khắc Quốc	Trung	2010740
61	CC20COD1	Lê Bá Quốc	Việt	2053582
62	CC20COD1	Nguyễn Phước	Vinh	1953101
63	CC20LQC1	Nguyễn Ngọc Thanh	Hằng	2052980
64	CC20LQC1	Huỳnh Nhật	Huy	2053036
65	CC20LQC1	Lê Quốc	Khải	2052129
66	CK17CD1	Danh Nguyễn Thế	Bảo	1710575
67	CK17CD1	Vũ Thái	Bình	1710645
68	CK17CD1	Võ Trung	Chánh	1710658
69	CK17CD1	Trần Lê Huỳnh	Đức	1711092
70	CK17CD1	Nguyễn Thành	Hảo	1711202
71	CK17CD1	Trần Quốc	Hoàng	1711416
72	CK17CD1	Vũ Tiến	Hưng	1710119
73	CK17CD1	Nguyễn Đăng	Huy	1711504
74	CK17CD1	Nguyễn Phúc Minh	Khôi	1711816
75	CK17CD1	Nguyễn Thanh	Phong	1712623
76	CK17CD1	Nguyễn Vũ Hoàng	Phúc	1710243
77	CK17CD1	Hồ Văn	Rồi	1712923

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
78	CK17CD1	Nguyễn Ngọc	Sang	1712936
79	CK17CD1	Nguyễn Ngọc	Thái	1713126
80	CK17CD1	Trần Tiến	Trung	1713722
81	CK17CD1	Ngô Quang	Vinh	1713976
82	CK17CD2	Nguyễn Trường	An	1710003
83	CK17CD2	Lê Tuấn	Cảnh	1710650
84	CK17CD2	Nguyễn Trọng	Dũng	1710870
85	CK17CD2	Mỹ Văn	Hùng	1711600
86	CK17CD2	Huỳnh Gia	Huy	1711482
87	CK17CD2	Nguyễn Tấn	Huy	1711538
88	CK17CD2	Diệp Lê Vi	Nhật	1712464
89	CK17CD2	Dương Quang	Thiện	1713285
90	CK17CD3	Lê Tuấn Anh	Hải	1711178
91	CK17CD3	Phạm Đức	Huy	1710112
92	CK17CD3	Võ Quang	Vũ	1714027
93	CK17CNM	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	1711218
94	CK17CNM	Đỗ Thị Thu	Hiền	1711326
95	CK17CNM	Trần Thị Thu	Hương	1711659
96	CK17CNM	Huỳnh ái	Linh	1711945
97	CK17CNM	Ngô Cẩm	Quỳnh	1712903
98	CK17CNM	Trịnh Thị Phương	Thanh	1713114
99	CK17CTM2	Nguyễn Đỗ Thành	An	1710427
100	CK17CTM2	Phạm Phương	Anh	1710511
101	CK17CTM2	Phan Đình	Anh	1710507
102	CK17CTM2	Nguyễn Thái	Công	1710704
103	CK17CTM2	Hoàng Anh	Hào	1711155
104	CK17CTM2	Nguyễn Đức	Huy	1711509
105	CK17CTM2	Từ Vỹ	Khiêm	1711755
106	CK17CTM2	Lê Doãn	Ngọc	1712351
107	CK17CTM2	Trần Ngọc Tấn	Phát	1710231
108	CK17CTM2	Lê Hoàng	Phúc	1712667
109	CK17CTM2	Lê Văn	Quý	1712889
110	CK17CTM2	Trần Phú	Quý	1712894
111	CK17CTM2	Đinh Nhật	Thành	1713141
112	CK17CTM2	Lê Đăng	Thịnh	1713320
113	CK17CTM2	Lao Tuấn	Thông	1713348
114	CK17CTM2	Nguyễn Nhựt	Trường	1713751
115	CK17CTM2	Nguyễn Văn	Vui	1714005
116	CK17CTM2	Lê Văn	ý	1714083
117	CK17CTM3	Ngô Gia	An	1710425
118	CK17CTM3	Nguyễn Văn	An	1710435

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
119	CK17CTM3	Nguyễn Võ	Đôn	1714119
120	CK17CTM3	Hồ Văn	Hải	1711175
121	CK17CTM3	Nguyễn Đức Hoàng	Hải	1711181
122	CK17CTM3	Đoàn Phùng Gia	Huy	1711476
123	CK17CTM3	Lưu Nhựt	Huy	1711496
124	CK17CTM3	Bùi An	Khang	1711675
125	CK17CTM3	Phan Hoàng	Long	1712026
126	CK17CTM3	Trần Thanh	Nhân	1712452
127	CK17CTM3	Nguyễn Minh	Quốc	1712852
128	CK17CTM3	Trần Văn	Thanh	1713113
129	CK17CTM3	Nguyễn Đình	Tiến	1713480
130	CK17CTM3	Nguyễn Hữu	Trọng	1713680
131	CK17DET	Trần Minh	Đăng	1711017
132	CK17DET	Trương Bá	Đạt	1710994
133	CK17DET	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	1711654
134	CK17DET	Hồ Kim	Lượng	1712092
135	CK17DET	Nguyễn Thị Xuân	Mận	1712138
136	CK17DET	Mách Thảo	Mi	1712139
137	CK17DET	Nguyễn Công	Minh	1712171
138	CK17DET	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	1712359
139	CK17DET	Giang Kim	Phụng	1712708
140	CK17DET	Huỳnh Thị Hồng	Thắm	1710302
141	CK17DET	Trần Thị Tuyết	Trinh	1713623
142	CK17HT1	Lê Vinh	Khiêm	1711748
143	CK17HT1	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	1712534
144	CK17HT1	Võ Hoàng Anh	Thư	1713433
145	CK17HT1	Phạm Thị Thanh	Vân	1713927
146	CK17KSCD	Nguyễn Văn	Luật	1712085
147	CK17KSCD	Đinh Anh	Thắng	1713216
148	CK17KSCD	Đỗ Hoàng	Vĩnh	1713998
149	CK17KSCD	Đào Nguyên Thiên	Vũ	1714007
150	CK17KSCD	Nguyễn Văn Triệu	Vỹ	1714065
151	CK17KTK	Huỳnh Nhật	Hào	1711157
152	CK17KTK	Nguyễn Quang	Huy	1711529
153	CK17KTK	Nguyễn Thanh	Khôi	1711818
154	CK17KTK	Nguyễn Duy	Tân	1713070
155	CK17LOG1	Đồng Thị Ngọc	Ân	1710544
156	CK17LOG1	Nguyễn Đình	Huy	1711507
157	CK17LOG1	Trương Huỳnh Kim	Ngân	1712299
158	CK17LOG1	Huỳnh Bảo	Phúc	1712662
159	CK17LOG1	Mai Anh	Thư	1713424

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
160	CK17LOG1	Phạm Thị	Trang	1713571
161	CK17LOG1	Nguyễn Duy	Trung	1713702
162	CK17LOG2	Thái Mạnh	Cường	1710731
163	CK17LOG2	Nguyễn Thành	Đạt	1710966
164	CK17LOG2	Phan Đình	Dũng	1710872
165	CK17LOG2	Nguyễn Quốc	Khánh	1710134
166	CK17LOG2	Lương Kiên	Long	1712013
167	CK17LOG2	Nguyễn Thị Thảo	My	1712220
168	CK17LOG2	Nguyễn Trương Tấn	Sâm	1712951
169	CK17LOG2	Thái Huỳnh Nhật	Thi	1713264
170	CK17LOG2	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	1713583
171	CK18CD1	Nguyễn Hảo	An	1811375
172	CK18CD1	Hồ Trần Văn	Bảo	1811500
173	CK18CD1	Lê Quốc	Bảo	1810829
174	CK18CD1	Cao Văn Tâm	Đăng	1811906
175	CK18CD1	Đặng Công	Danh	1811662
176	CK18CD1	Trần Anh	Duy	1810081
177	CK18CD1	Nguyễn Trần Khánh	Linh	1810278
178	CK18CD1	Ngụy Minh	Tài	1811204
179	CK18CD1	Lê Nhựt	Thắng	1814090
180	CK18CD1	Phạm Đức	Thắng	1814105
181	CK18CD1	Đồng Phước	Tiến	1814311
182	CK18CD1	Bùi Thế	Trí	1814452
183	CK18CD2	Đặng Đình	Cường	1811643
184	CK18CD2	Trần Lam	Danh	1811668
185	CK18CD2	Hồ Quốc	Huy	1810164
186	CK18CD2	Bạch Gia	Khiêm	1812627
187	CK18CD2	Nguyễn Duy	Linh	1812814
188	CK18CD2	Phạm Mai Nhật	Minh	1813105
189	CK18CD2	Nguyễn Hàm	Ngọc	1810362
190	CK18CD2	Trần Phạm Minh	Thư	1810572
191	CK18CD2	Đỗ Danh	Tùng	1814697
192	CK18CD3	Phạm Văn Phúc	Hoàng	1810929
193	CK18CD3	Lê Thanh	Lâm	1810271
194	CK18CDM	Dương Nguyễn Mai	Anh	1811397
195	CK18CDM	Nguyễn Tiểu	Anh	1810813
196	CK18CDM	Vũ Ngọc Quỳnh	Anh	1810028
197	CK18CDM	Võ Thị Hương	Duyên	1811766
198	CK18CDM	Lê Thị Xuân	Hòa	1812315
199	CK18CDM	Cao Thị Thanh	Hương	1810200
200	CK18CDM	Đoàn Thị Kim	Liên	1812798

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
201	CK18CDM	Trương Thị Mỹ	Linh	1812837
202	CK18CDM	Nguyễn Hoàng	My	1813122
203	CK18CDM	Hồ Thị Kim	Ngân	1813192
204	CK18CDM	Phan Thị Ngọc	Nhung	1813429
205	CK18CDM	Mai Thị Trinh	Nữ	1813455
206	CK18CDM	Lê Võ Như	Quỳnh	1813774
207	CK18CDM	Nguyễn Thanh	Tâm	1813922
208	CK18CDM	Phạm Thị Hương	Thảo	1811231
209	CK18CDM	Lâm Ngọc Cẩm	Thơ	1811250
210	CK18CDM	Trần Thị Ngọc	Trâm	1810598
211	CK18CDM	Lê Cẩm	Trinh	1814444
212	CK18CDM	Nguyễn Thị Hồng	Vân	1814749
213	CK18CDM	Đinh Trương Thảo	Vy	1814840
214	CK18CTM2	Ô Khải	Hoa	1812236
215	CK18CTM2	Nguyễn Thành	Nguyên	1813283
216	CK18CTM2	Phạm Thiên	Phúc	1810447
217	CK18CTM2	Nguyễn Trí	Tài	1810493
218	CK18CTM2	Phạm Đình Hồng	Thanh	1810511
219	CK18CTM2	Hồ Viết	Tự	1814720
220	CK18CTM3	Đinh Nguyễn Mai	Anh	1811402
221	CK18CTM3	Nguyễn Trọng	Chinh	1810054
222	CK18CTM3	Nguyễn Thanh	Khỏe	1810252
223	CK18CTM3	Trần Hoài	Lộc	1810313
224	CK18CTM4	Lê Thành	Đạt	1811860
225	CK18DET	Phạm Ngọc Quế	Anh	1811445
226	CK18DET	Phan Thị Quỳnh	Anh	1811444
227	CK18DET	Lê Gia	Bảo	1811504
228	CK18DET	Nguyễn Hồng	Đào	1811831
229	CK18DET	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	1811814
230	CK18DET	Bùi Thị Thu	Hiền	1812207
231	CK18DET	Võ Ngọc	Hương	1810971
232	CK18DET	PhùNg Thị	KiềU	1812714
233	CK18DET	Vũ Hoài Phương	Minh	1813113
234	CK18DET	Võ Thị Tuyết	Nga	1813183
235	CK18DET	Ngô Bảo	Ngân	1813198
236	CK18DET	Nguyễn Hồng	Ngọc	1813247
237	CK18DET	Lê Thị Quỳnh	Như	1813435
238	CK18DET	Nguyễn Kim	Oanh	1813462
239	CK18DET	Trần Thị Kim	Oanh	1813464
240	CK18DET	Huỳnh Công	Tân	1813932
241	CK18DET	Lê Đình	Thắng	1814089

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
242	CK18DET	Bùi Thị	Thảo	1814040
243	CK18DET	Mai Thị Anh	Thư	1814271
244	CK18DET	Võ Thị	Thủy	1814257
245	CK18DET	Lê Thị Huyền	Trang	1814394
246	CK18DET	Vũ Thị Kiều	Trang	1814408
247	CK18DET	Đỗ Thị Tú	Trinh	1814442
248	CK18DET	Lương Thụy Cẩm	Tú	1814665
249	CK18DET	Phan Nguyễn Cẩm	Tú	1811324
250	CK18DET	Tô Phương	Uyên	1814737
251	CK18DET	Phùng Thị Tường	Vi	1814762
252	CK18HT1	Lại Quốc	Anh	1811410
253	CK18HT1	Phạm Trần Nguyên	Khang	1812559
254	CK18HT2	Dương Hữu	Phúc	1813557
255	CK18HT2	Nguyễn Thu	Phương	1813628
256	CK18HT2	Trần Ngọc Thúy	Quỳnh	1813784
257	CK18HT2	Bùi Thị Thanh	Sang	1813791
258	CK18HT2	Nguyễn Thị Hồng	Trang	1814398
259	CK18HT2	Châu Lê Thanh	Trúc	1814532
260	CK18LOG1	Nguyễn Hoàng Thùy	An	1811377
261	CK18LOG1	Lê Thị Lan	Anh	1811418
262	CK18LOG1	Phạm Thị Lan	Anh	1811446
263	CK18LOG1	Trần Trâm	Anh	1810818
264	CK18LOG1	Võ Thế	Bảo	1811554
265	CK18LOG1	Trương Quốc	Cường	1811656
266	CK18LOG1	Hồ Tiến	Doanh	1811684
267	CK18LOG1	Phạm Anh	Duy	1811736
268	CK18LOG1	Nguyễn Hà Yến	Duyên	1811758
269	CK18LOG1	Vũ Thị Thu	Giang	1812011
270	CK18LOG1	Biện Nguyễn Cẩm	Hà	1812018
271	CK18LOG1	Nguyễn Thị Thanh	Hoàng	1812279
272	CK18LOG1	Hoàng Thị	Huyền	1812444
273	CK18LOG1	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	1812454
274	CK18LOG1	Đào Ngọc	Khang	1812531
275	CK18LOG1	Đinh Thị Hà	Khanh	1812570
276	CK18LOG1	Trương Hoàng Đăng	Khoa	1810250
277	CK18LOG1	Nguyễn Thị Trúc	Mai	1810318
278	CK18LOG1	Lý Nguyên Bảo	My	1811089
279	CK18LOG1	Lê Phương Minh	Nguyệt	1811114
280	CK18LOG1	Trần Nhật	Tân	1811215
281	CK18LOG1	Phạm Bá	Trắc	1811286
282	CK18LOG1	Nguyễn Ngô Minh	Trực	1811312

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
283	CK18LOG1	Trần Ngọc	Tuyên	1811315
284	CK18LOG1	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	1810673
285	CK18LOG2	Phan Vũ	Hòa	1812323
286	CK18LOG2	Vương Khánh	Huyền	1812451
287	CK18LOG2	Ngô Thị	Linh	1812813
288	CK18LOG2	Lý Ngọc	Mai	1813032
289	CK18LOG2	Võ Thị ThảO	Nguyên	1813305
290	CK18LOG2	Võ Lê Hoàng	Nhật	1813386
291	CK18LOG2	Trần Vĩnh	Phát	1813494
292	CK18LOG2	Phan Thành	Phúc	1813590
293	CK18LOG2	Võ Minh	Sơn	1813871
294	CK18LOG2	Lê Hà	Thanh	1813963
295	CK18LOG2	Lê Thị Thu	Thảo	1814045
296	CK18LOG2	Phạm Phương	Thảo	1814056
297	CK18LOG2	Lê Thanh	Tòng	1814383
298	CK18LOG2	Dương Minh	Trí	1814453
299	CK18LOG2	Trần Ngọc	Tú	1814685
300	CK18LOG2	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	1814648
301	CK18LOG2	Cao Phương	Uyên	1814725
302	CK18LOG2	Trần Thị Khánh	Vy	1814855
303	CK18LOG2	Trần Thị Thúy	Vy	1814856
304	CK18LOG2	Trần Thị Hải	Yến	1814878
305	CK19CD1	Trịnh Trần Vĩnh	Ân	1912645
306	CK19CD1	Dương Lê Tuấn	Anh	1912556
307	CK19CD1	Nguyễn Quốc	Bảo	1910046
308	CK19CD1	Lâm Văn	Chuẩn	1912792
309	CK19CD1	Phạm Anh	Đạt	1911025
310	CK19CD1	Nguyễn Hoàng	Hải	1913256
311	CK19CD1	Vũ Quang	Hiếu	1910181
312	CK19CD1	Phạm Xuân	Hòa	1911216
313	CK19CD1	Hồ Việt	Khánh	1911362
314	CK19CD1	Đặng Anh	Khoa	1910261
315	CK19CD1	Võ Hoàng	Khôi	1913848
316	CK19CD1	Nguyễn Sơn	Lâm	1911476
317	CK19CD1	Huỳnh Tấn	Lộc	1914012
318	CK19CD1	Lê Thành	Long	1913993
319	CK19CD1	Lê Hữu Trần	Nhật	1914475
320	CK19CD1	Phạm Minh	Nhật	1914489
321	CK19CD1	Đồng Minh	Quốc	1914857
322	CK19CD1	Hoàng Thanh	Thế	1910555
323	CK19CD1	Lê Thanh	Thông	1912147

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
324	CK19CD1	Thái Trần Gia	Thuận	1910586
325	CK19CD1	Trần Dương	Triều	1910631
326	CK19CD1	Đặng Trường	Vũ	1910699
327	CK19CD2	Trần Huy	Bảo	1910048
328	CK19CD2	Nguyễn Minh	Đức	1913156
329	CK19CD2	Nguyễn Tấn	Dũng	1910102
330	CK19CD2	Lâm Hiệp	Hưng	1910227
331	CK19CD2	Nguyễn Đình	Khãi	1913787
332	CK19CD2	Nguyễn Quốc	Khánh	1913746
333	CK19CD2	Nguyễn Vũ	Lực	1914088
334	CK19CD2	Huỳnh Nguyễn Kha	Nghi	1914298
335	CK19CD2	Phạm Trần Bá	Ngọc	1914357
336	CK19CD2	Phan Trọng	Nguyễn	1914411
337	CK19CD2	Nguyễn Duy	Nhân	1914437
338	CK19CD2	Nguyễn Trần Hữu	Phúc	1910456
339	CK19CD2	Châu Nhật	Quang	1910478
340	CK19CD2	Lê Đồng	Tâm	1910509
341	CK19CD2	Phạm Vũ Quốc	Thiên	1915276
342	CK19CD2	Hà Như	Thuần	1915371
343	CK19CD2	Nguyễn Trí	Tiến	1915484
344	CK19CD2	Nguyễn Hữu	Tín	1915516
345	CK19CD2	Trần Trung	Tín	1912211
346	CK19CD2	Nguyễn Xuân	Trung	1910647
347	CK19CD2	Trần Hoàng Anh	Tuấn	1915789
348	CK19CD3	Huỳnh Tấn	ánh	1910784
349	CK19CD3	Lê Thanh	Bình	1912725
350	CK19CD3	Nguyễn Trung	Bửu	1912745
351	CK19CD3	Nguyễn Minh	Cường	1912512
352	CK19CD3	Nguyễn Hữu	Đô	1910132
353	CK19CD3	Bùi Văn	Dư	1912972
354	CK19CD3	Lê Văn	Duy	1912888
355	CK19CD3	Võ Hoàng Minh	Duy	1912935
356	CK19CD3	Trần Văn	Hải	1913264
357	CK19CD3	Nguyễn Phong	Hào	1913223
358	CK19CD3	Nguyễn Quang	Huy	1913541
359	CK19CD3	Lê Đình	Khánh	1913733
360	CK19CD3	Nguyễn Bá Gia	Long	1911515
361	CK19CD3	Phạm Vũ	Luân	1914069
362	CK19CD3	Nguyễn Quang	Lý	1914103
363	CK19CD3	Võ Văn	Nghĩa	1911693
364	CK19CD3	Lưu Gia	Phát	1914588

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
365	CK19CD3	Nguyễn Lâm	Phi	1914613
366	CK19CD3	Phạm Cao	Tâm	1915029
367	CK19CD3	Trần Duy	Thanh	1915100
368	CK19CD3	Nguyễn Ngọc	Tín	1912205
369	CK19CD3	Khằm Thanh	Tình	1915531
370	CK19CD3	Lê Minh	Trung	1915683
371	CK19CD3	Dương Nhật	Trường	1915717
372	CK19CDM	Trần Lan	Hương	1911319
373	CK19CDM	Nguyễn Thị Vân	Khanh	1910247
374	CK19CDM	Nguyễn Thị Kim	Phượng	1914786
375	CK19CDM	Trần Thị Ngọc	Phượng	1914789
376	CK19CDM	Hồ Ngọc Diễm	Quỳnh	1914898
377	CK19CDM	Hồ Thị Kim	Tho	1915333
378	CK19CDM	Phạm Huỳnh	Trâm	1912261
379	CK19CTM1	Châu Diệu	An	1910717
380	CK19CTM1	Nguyễn Đức	Bin	1912709
381	CK19CTM1	Ngô Trần Quang	Châu	1912766
382	CK19CTM1	Lê Thành	Đạt	1913036
383	CK19CTM1	Nguyễn Khắc	Điềm	1913105
384	CK19CTM1	Nguyễn Đình	Duẩn	1912862
385	CK19CTM1	Trương Công	Đức	1913177
386	CK19CTM1	Lê Chí Bảo	Duy	1912885
387	CK19CTM1	Nguyễn Huỳnh	Duy	1910952
388	CK19CTM1	Đặng Quốc	Khải	1911382
389	CK19CTM1	Thái Duy	Khang	1913706
390	CK19CTM1	Lê	Khanh	1911357
391	CK19CTM1	Lã Anh	Kiệt	1913872
392	CK19CTM1	Huỳnh Thanh	Lâm	1910295
393	CK19CTM1	Phan Đình	Lâm	1913923
394	CK19CTM1	Trần Xuân	Lợi	1914050
395	CK19CTM1	Nguyễn Thành	Luân	1914067
396	CK19CTM1	Nguyễn Quốc	Mỹ	1914206
397	CK19CTM1	Nguyễn Trình	Nghị	1914331
398	CK19CTM1	Phan Đình	Nguyên	1914393
399	CK19CTM1	Ngô Phan Văn	Pháp	1910427
400	CK19CTM1	Trương Quý	Phát	1910435
401	CK19CTM1	Nông Đại	Phúc	1914707
402	CK19CTM1	Huỳnh Ngọc	Phước	1914761
403	CK19CTM1	Trần Viết	Quốc	1914866
404	CK19CTM1	Ngô Duy	Thái	1912045
405	CK19CTM1	Ngô Thị Phương	Thảo	1915184

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
406	CK19CTM1	Phạm Vũ Hồng	Thịnh	1910569
407	CK19CTM1	Phan Tấn	Thịnh	1912132
408	CK19CTM1	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	1910597
409	CK19CTM1	Nguyễn Minh	Tiến	1912198
410	CK19CTM1	Nguyễn Bá	Toàn	1915547
411	CK19CTM1	Ngô Nhật	Trường	1915727
412	CK19CTM1	Trần Thanh	Trường	1912347
413	CK19CTM1	Huỳnh Lê Hữu	Tuấn	1915762
414	CK19CTM1	Trần Văn	Tỵ	1915864
415	CK19CTM2	Nguyễn Hoàng	Anh	1910762
416	CK19CTM2	Huỳnh Tấn	Chương	1910884
417	CK19CTM2	Nguyễn Tấn	Đạt	1913056
418	CK19CTM2	Nguyễn Tấn	Đạt	1913057
419	CK19CTM2	Nguyễn Ngọc	Giàu	1913200
420	CK19CTM2	Nguyễn Hồng	Hải	1911101
421	CK19CTM2	Phùng Trần	Hanh	1911086
422	CK19CTM2	Nguyễn Quang	Huy	1913535
423	CK19CTM2	Nguyễn Quang	Huy	1913539
424	CK19CTM2	Huỳnh Đăng	Khang	1911333
425	CK19CTM2	Phan Minh	Khôi	1913843
426	CK19CTM2	Trần Trọng	Lâm	1911479
427	CK19CTM2	Lê Vinh	Mạnh	1911572
428	CK19CTM2	Lê Kiến	Minh	1914153
429	CK19CTM2	Nguyễn Quang	Minh	1914168
430	CK19CTM2	Võ Tuấn	Minh	1914189
431	CK19CTM2	Lê Văn	Ngọc	1914338
432	CK19CTM2	Nguyễn Lâm Thuận	Phát	1910430
433	CK19CTM2	Nguyễn Thành	Quang	1914801
434	CK19CTM2	Trần Minh	Quang	1910483
435	CK19CTM2	Lê Văn	Quế	1914852
436	CK19CTM2	Nguyễn Ngọc Trường	Sơn	1911980
437	CK19CTM2	Phan Nguyễn Quang	Thịnh	1912131
438	CK19CTM2	Lê Nguyên	Tuân	1912350
439	CK19CTM2	Phan Hoàng	Tường	1915856
440	CK19CTM3	Trương Tuấn	Anh	1912626
441	CK19CTM3	Phạm Tuấn	Dũ	1912943
442	CK19CTM3	Nguyễn Đình	Hân	1913292
443	CK19CTM3	Huỳnh Quang	Hiền	1913372
444	CK19CTM3	Nguyễn Quốc	Hiếu	1913346
445	CK19CTM3	Trần Lã Hoàng	Huy	1913562
446	CK19CTM3	Trần An	Khang	1913707

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
447	CK19CTM3	Hồ Hồng	Không	1913850
448	CK19CTM3	Võ Anh	Kiệt	1913889
449	CK19CTM3	Phùng Xuân	Lộc	1914032
450	CK19CTM3	Vũ Quang	Nhật	1914498
451	CK19CTM3	Nguyễn Đình	Sáng	1914932
452	CK19CTM3	Nguyễn Thành	Sơn	1914965
453	CK19CTM3	Phạm Duy	Thọ	1915345
454	CK19CTM3	Lê Quốc	Trí	1915655
455	CK19CTM4	Chử Đỗ Quốc	Bảo	1910804
456	CK19DET	Lê Trần Mỹ	Hoa	1913403
457	CK19DET	Vũ Kim	Liên	1913935
458	CK19DET	Trần Thị Kim	Loan	1913981
459	CK19DET	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	1914110
460	CK19DET	Phạm Thị Bích	Ngọc	1914356
461	CK19DET	Lâm Thị Ngọc	Nhi	1914502
462	CK19DET	Nguyễn Đức	Quyền	1914884
463	CK19DET	Lê Quyền	Trân	1915609
464	CK19DET	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	1915804
465	CK19DET	Đào Huỳnh Bảo	Uyên	1910682
466	CK19DET	Nguyễn Ngọc Hoàng	Vi	1912428
467	CK19HT1	Trần Nguyễn Viết	Định	1913118
468	CK19HT1	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	1912938
469	CK19HT1	Vũ Ngọc	Hà	1913217
470	CK19HT1	Trần Thị Thu	Hằng	1913287
471	CK19HT1	Nguyễn Văn Hoàng	Hưng	1913646
472	CK19HT1	Lê Thị Như	Huỳnh	1913596
473	CK19HT1	Nguyễn Thị	Nhàn	1914418
474	CK19HT1	Phạm Thị Yến	Nhi	1914518
475	CK19HT1	Phạm Quang	Sang	1914925
476	CK19HT1	Đinh Thị Vân	Thọ	1915338
477	CK19HT1	Hà Kim	Tiến	1915469
478	CK19HT2	Phan Thị Trường	An	1912538
479	CK19HT2	Nguyễn Lê Hảo	Hảo	1913271
480	CK19HT2	Nguyễn Minh	Hiếu	1913343
481	CK19HT2	Nguyễn Thanh	Nhân	1914440
482	CK19HT2	Đoàn Trần Uyển	Nhi	1914499
483	CK19HT2	Trần Vũ Hà	Nhi	1914524
484	CK19HT2	Nguyễn Thị Thúy	Nhị	1914531
485	CK19HT2	Huỳnh Ngọc	Thảo	1912068
486	CK19HT2	Nguyễn Thanh	Thảo	1915187
487	CK19HT2	Nguyễn Thành	Thịnh	1915324

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
488	CK19HT2	Phạm Trương Thanh	Thùy	1910590
489	CK19HT2	Nguyễn Thị Huyền	Trang	1915583
490	CK19HT2	Hồng Huỳnh Nhã	Uyên	1915870
491	CK19HT2	Dương Tường	Vi	1915894
492	CK19HT2	Đặng Thế	Vinh	1915927
493	CK19KSCD	Nguyễn Khải	Ân	1910788
494	CK19KSCD	Ngô Huỳnh	Anh	1910758
495	CK19KSCD	Phạm Mạnh	Huy	1910214
496	CK19KSCD	Huỳnh Anh	Khôi	1910278
497	CK19LOG1	Nguyễn Thị Cẩm	Bình	1912732
498	CK19LOG1	Phạm Linh	Chi	1912776
499	CK19LOG1	Trương Thị Kim	Chi	1912778
500	CK19LOG1	Hoàng Hữu	Đạt	1913022
501	CK19LOG1	Đặng Thị Xuân	Diệp	1912851
502	CK19LOG1	Nguyễn Phương	Duy	1912909
503	CK19LOG1	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	1913404
504	CK19LOG1	Võ Thị Bích	Huyền	1913589
505	CK19LOG1	Nguyễn Đoàn Minh	Khôi	1913839
506	CK19LOG1	Nguyễn Thị Gia	Nhi	1914506
507	CK19LOG1	Phan Thị Hồng	Nhung	1914542
508	CK19LOG1	Lê Văn	Thành	1915140
509	CK19LOG2	Nguyễn Đình	Công	1910069
510	CK19LOG2	Nguyễn Thiện	Duy	1910958
511	CK19LOG2	Huỳnh Ngọc Như	Hảo	1913269
512	CK19LOG2	Nguyễn Kim	Hảo	1911107
513	CK19LOG2	Nguyễn Nhật	Lệ	1913928
514	CK19LOG2	Bùi Hoàng Sông	Mây	1911576
515	CK19LOG2	Đặng Thị Thảo	Ngân	1914269
516	CK19LOG2	Đào Hiếu	Nghĩa	1914306
517	CK19LOG2	Tô Thảo	Nhi	1914520
518	CK19LOG2	Phạm Ngọc Uyên	Phương	1910469
519	CK19LOG2	Phan Diễm	Quỳnh	1910494
520	CK19LOG2	Nguyễn Lê Vương	Thảo	1915186
521	CK19LOG2	Đào Lương	Vũ	1915968
522	CK19NH1	Nguyễn Phi	Nhân	1914439
523	CK19NH1	Cao Văn	Thắng	1915215
524	CK19NH2	Nguyễn Thế	Bảo	1912682
525	CK19NH2	Hoàng Trọng	Khang	1913688
526	CK19NH2	Nguyễn Bá	Minh	1914160
527	CK20CDT2	Lê Công	Chánh	2010944
528	CK20CDT2	Trần Xuân	Nghĩa	2011677

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
529	CK20CDT2	Đinh Ngọc	Phúc	2011838
530	CK20CDT2	Nguyễn Thanh	Tứ	2012395
531	CK20CDT3	Hồ Đình	Bách	2010145
532	CK20CDT3	Nguyễn Xuân	Hòa	2013254
533	CK20CDT3	Nguyễn Đăng	Khoa	2012509
534	CK20CDT3	Nguyễn Văn Vũ	Lân	2013606
535	CK20CDT3	Hoàng Ngọc	Nhân	2011729
536	CK20CDT3	Nông Văn	Thiện	2014581
537	CK20CDT4	Hoàng Nguyễn Quốc	Anh	2012581
538	CK20CDT4	Đặng Trung	Dũng	2012859
539	CK20CDT4	Võ Minh	Hiếu	2013175
540	CK20CDT4	Bùi Minh	Hoàng	2013215
541	CK20CDT4	Võ Văn	Hơn	2013263
542	CK20CDT4	Lâm Phạm Quốc Duy	Nghiêm	2013863
543	CK20CDT4	Bùi Sỉ	Nhất	2013988
544	CK20CDT4	Lê Phước	Toản	2014786
545	CK20CDT4	Nguyễn Quang	Vinh	2015067
546	CK20CK01	Huỳnh Ngọc	Phiên	2010508
547	CK20CK01	Phạm Cao Kim	Quân	2010559
548	CK20CK02	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	2013870
549	CK20CK02	Trần Quốc	Vinh	2012432
550	CK20CK03	Lý Văn	Bảo	2010901
551	CK20CK04	Trần Văn	Hoàng	2013243
552	CK20CK04	Trần Quốc	Huy	2013337
553	CK20CK04	Trần Huỳnh	Như	2014057
554	CK20CK04	Trần Đức	Suê	2014389
555	CK20CK04	Lư Hữu	Thuận	2014646
556	CK20CK04	Huỳnh Trọng	Tính	2014759
557	CK20CK04	Mai Ngọc	Trân	2014820
558	CK20CK04	Nguyễn Ngọc Quốc	Việt	2015048
559	CK20CK05	Ông Bảo	Thuận	2014653
560	CK20CK05	Đinh Duy	Tín	2014738
561	CK20CK05	Võ Xuân	Trúc	2014905
562	CK20CK06	Nguyễn Thanh	Hải	2013074
563	CK20CK06	Trần Công	Huy	2013331
564	CK20CK06	Lâm Trọng Vĩ	Khang	2013423
565	CK20CK06	Nguyễn Hữu	Nghĩa	2013872
566	CK20CK06	Nguyễn Trọng	Nghĩa	2013874
567	CK20CK06	Huỳnh Thiêng	Phú	2014134
568	CK20CK06	Trần Trịnh Nhật	Phúc	2014183
569	CK20CK06	Lê Văn Phước	Thắng	2014536

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
570	CK20CK06	Nguyễn Ngọc Quốc	Thắng	2014543
571	CK20CK06	Ngô Quốc	Tuấn	2014942
572	CK20CK07	Nguyễn Minh	Hi	2013130
573	CK20CK07	Võ Đình	Khương	2013539
574	CK20CK07	Dương Thuận	Phát	2014073
575	CK20CKTN	Lê Hoài	An	2012550
576	CK20CKTN	Nguyễn Đức Thiên	Ân	2010143
577	CK20CKTN	Nguyễn Đông	Anh	2010115
578	CK20CKTN	Trịnh Thế	Anh	2010880
579	CK20CKTN	Nguyễn Thành	Công	2012753
580	CK20CKTN	Lê Minh	Đạt	2012493
581	CK20CKTN	Lê Hoàng	Linh	2013620
582	CK20CKTN	Nguyễn Quang	Minh	2013775
583	CK20CKTN	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	2010464
584	CK20CKTN	Tô Nghĩa	Nhân	2013982
585	CK20CKTN	Trần Phú	Quý	2011953
586	CK20CKTN	Nguyễn Quốc	Thiện	2010645
587	CK20DM1	Phan Nguyễn Uyên	Nguyên	2013934
588	CK20HT1	Lê Hoàng Thu	ánh	2010885
589	CK20HT1	Võ Huỳnh Gia	Bảo	2010919
590	CK20HT1	Nguyễn Lê Huy	Cường	2010975
591	CK20HT1	Nguyễn Lâm Ngọc	Minh	2011619
592	CK20HT1	Trương Khải	Minh	2011637
593	CK20HT1	Lý Thảo	My	2010422
594	CK20HT1	Bùi Thị	Ngọc	2011680
595	CK20HT1	Lê Thị Quỳnh	Nhi	2014015
596	CK20HT1	Võ Thị Bình	Phương	2010540
597	CK20HT1	Trần Thị	Phượng	2010544
598	CK20HT1	Trần Hữu	Toản	2014787
599	CK20HT1	Phan Bích	Tuyền	2012366
600	CK20KHTN	Dương Nguyễn Ngọc	Bích	2012688
601	CK20KHTN	Trần Nguyễn Yên	Đan	2011044
602	CK20KHTN	Nguyễn Tường Bảo	Huy	2013323
603	CK20KHTN	Trần Nhật	Nam	2010432
604	CK20KHTN	Phan Quốc	Thắng	2014546
605	CK20LOG1	Nguyễn Hòa	An	2010821
606	CK20LOG1	Trần Tiến	Anh	2012619
607	CK20LOG1	Huỳnh Thị Linh	Chi	2012721
608	CK20LOG1	Trịnh Tuấn	Đạt	2012960
609	CK20LOG1	Chu Thị Hảo	Hiền	2013178
610	CK20LOG1	Nguyễn Nhật	Khang	2011366

STT	Lớp	Họ	Tên	MSSV
611	CK20LOG1	Hoàng Thị Kim	Loan	2013648
612	CK20LOG1	Lê Nguyễn Tiến	Lộc	2013682
613	CK20LOG1	Phan Minh	Thiện	2010647
614	CK20LOG1	Đào Thị Anh	Thư	2012163
615	CK20LOG1	Nguyễn Anh	Thư	2014675
616	CK20LOG1	Nguyễn Thái Mai	Thùy	2014665
617	CK20LOG1	Thái Thành	Tiến	2010693
618	CK20LOG1	Lê Đức	Tín	2014746
619	CK20LOG1	Lê Ngọc Thanh	Trà	2014809
620	CK20LOG1	Nguyễn Thị Ngọc	Trầm	2010725
621	CK20LOG1	Lê Nguyễn Xuân	Trí	2012281
622	CK20LOG1	Nguyễn Đức	Trọng	2010738
623	CK20LOG1	Phạm Hoàng	Hải	2013079
624	CK20NH1	Nguyễn Thành	Đạt	2012935
625	CK20NH1	Trương Anh	Duy	2012849
626	CK20NH1	Hoàng Thị Thu	Huệ	2013269
627	CK20NH1	Võ Tấn	Phát	2014097
628	CK20NH1	Đinh Ngọc	Sơn	2014367
629	CK20NH1	Trần Duy	Trì	2014862
630	CK20NH2	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	2013848
631	CK20NH2	Lê Minh	Phú	2014136
632	CK20NH2	Lê Minh	Trí	2014847
633	CK20NH2	Ng Hoàng Nguyên	Vũ	2015091
634	VP17CDT	Trần Hoàng	Nguyên	1712395
635	VP17CDT	Hồ Ngọc	Tâm	1713032
636	VP17CDT	Nguyễn Minh	Trí	1710349
637	VP18CDT	Nguyễn Lê Quang	Hiếu	1812177
638	VP18CDT	Nguyễn Tuấn	Nghĩa	1813229
639	VP18CDT	Nguyễn Tiến	Trọng	1810618
640	VP18CDT	Nguyễn Xuân	Tuấn	1810633
641	VP19CDT	Khưu Long	Duy	1912881
642	VP19CDT	Lê	Nhân	1911750
643	VP19CDT	Chu Đình	Sơn	1910498
644	VP19CDT	Nguyễn Huỳnh Thảo	Trang	1910619
645	VP19CDT	Thôi Anh	Tú	1910675
646	VP20CDT	Bùi Mạnh	Khang	2013416
647	VP20CDT	Đoàn Trung	Tín	2010078